TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THUỶ** **THÀNH PHỐ C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-3-2023
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THUỶ, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Trọng Tuấn

2. Bà Trần Vĩnh Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/01/2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 64/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh Th**, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 361, đường Trần Quang Diệu, phường A, quận B, thành phố C. Có mặt

Bị đơn: Ông **Cao Ki N**, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp 4, xã Thuận Đ, huyện G, tỉnh Tr; địa chỉ tạm trú: Khu tập thể Cục Hậu cần – Cục Kỹ Thuật số C9.4, hẻm 154 đường Trần Quang Diệu, phường A, quận B, thành phố C. Vắng mặt

Người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ: Cháu **Cao Nguyễn Thúy V**, sinh ngày 17/3/2006; địa chỉ: Số 361, đường Trần Quang Diệu, phường A, quận B, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th trình bày và yêu cầu: Năm 2004 qua tìm hiểu, bà và ông Cao Ki N tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định. Đến ngày 19/7/2004, ông bà được Ủy ban nhân dân phường A, quận B, thành phố C cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 179, quyển số I/04. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng những

năm gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại, cả hai không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nữa nên bà mong muốn được ly hôn với ông Ki N. Trong thời gian chung sống ông bà có 01 con chung tên Cao Nguyễn Thúy V (giới tính nữ), sinh ngày 17/3/2006. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận B, thành phố C giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Cao Ki N;

- Về con chung: Bà đồng ý giao con chung tên Cao Nguyễn Thúy V (giới tính nữ), sinh ngày 17/3/2006 cho ông Cao Ki N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Ông Cao Ki N vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Người có quyền và lợi ích cần được bảo vệ: Cháu Cao Nguyễn Thúy V có văn bản nêu ý kiến ngày 22/3/2023, khi cha mẹ ly hôn cháu muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, bà Thúy vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên, do ông Ki N không có mặt nên bà không thể giao con chung cho ông N nuôi dưỡng. Do đó, bà thay đổi yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung nên quan hệ pháp luật là tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con"*; ông Cao Ki N đang cư trú tại Khu tập thể Cục Hậu cần – Cục Kỹ Thuật số C9.4, hẻm 154 đường Trần Quang Diệu, phường A, quận B, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Bình Thuỷ.

Bị đơn Cao Ki N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Thanh Th và ông Cao Ki N tự nguyện tiến tới hôn nhân, được Uỷ ban nhân dân phường A, quận B, thành phố C cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 179, quyển số I/04 ngày 19/7/2004, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Bà Th cho rằng, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài nhưng thời gian gần đây hai người thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Tòa án đã trực tiếp gửi các văn bản

thông báo cho ông Ki N biết các yêu cầu khởi kiện của bà Th đối với ông, triệu tập ông đến phiên tòa nhằm tạo điều kiện để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, ông Ki N không đến và cũng không cung cấp văn bản nêu ý kiến đối với các yêu cầu của bà Th. Như vậy, có căn cứ cho rằng mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

[3] Tại phiên tòa, bà Th đề nghị được trực tiếp nuôi con chung. Bà có việc làm tạo ra thu nhập, có đủ thời gian và vật chất để nuôi dạy con chung nên không yêu cầu ông Cao Ki N cấp dưỡng. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là trong phạm vi khởi kiện ban đầu và phù hợp với nguyện vọng của cháu Cao Nguyễn Thúy V nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đồng thời, dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Cao Ki N không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu **300.000** đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh Th.

- Hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thanh Th ly hôn với ông Cao Ki N;

- Con chung: Giao con chung tên Cao Nguyễn Thúy V, sinh ngày 17/3/2006, giới tính nữ cho bà Nguyễn Thị Thanh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Cao Ki N không phải cấp dưỡng cho con chung; Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho ông Cao Ki N không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Th phải chịu **300.000** đồng, chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0002945 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C thành án phí phải nộp. Đương sự đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. Bình Thủy;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thúy Quyên